| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH GIA LAI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 40 /2025/QĐ-UBND | *Gia Lai, ngày 02 tháng 06 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Hoạt động vận tải đường bộ phục vụ an ninh, quốc phòng; xe ưu tiên được quy định tại Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 tham gia giao thông đường bộ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị.

2. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị là hoạt động do tổ chức, cá nhân sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới để vận tải người, hàng hoá trên đường bộ trong phạm vi đô thị. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị gồm hoạt động kinh doanh vận tải và hoạt động vận tải nội bộ.

2. Phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật là xe buýt và xe hoạt động tuyến cố định có hệ thống thiết bị nâng, hạ phục vụ người khuyết tật lên, xuống xe và vị trí dành riêng cho người khuyết tật.

**Điều 4. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị**

1. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách theo tuyến cố định

a) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

b) Phải tuân thủ phương án tổ chức giao thông trong đô thị.

2. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi

a) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

b) Đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải bảo đảm trật tự an toàn giao thông và tuân thủ phương án tổ chức giao thông trong đô thị; trong thời gian đỗ xe chờ đón khách, xe taxi chỉ được đỗ xe tại các điểm đỗ xe theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

3. Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải hành khách bằng xe trung chuyển

a) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

b) Xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng: hành khách được vận chuyển theo hợp đồng phải tập trung tại vị trí nhất định trong khi chờ xe đón khách, đồng thời phải giữ an ninh, trật tự xã hội và vệ sinh chung; các điểm dừng, đỗ đón, trả khách phải đảm bảo an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận tải hành khách.

c) Xe trung chuyển chỉ được sử dụng để vận chuyển hành khách từ điểm đón khách theo yêu cầu của hành khách và đi trên các tuyến vận tải khách cố định của đơn vị kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định đến bến xe, điểm đón, trả khách trên tuyến hoặc ngược lại.

4. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

a) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

b) Xe ô tô chở hàng hóa được phép hoạt động trên các tuyến đường trong đô thị, tuân thủ phương án tổ chức giao thông trong đô thị.

c) Khi phương tiện lưu thông trong đô thị không được để rơi, vãi hàng hóa xuống đường. Trường hợp để rơi, vãi hàng hóa xuống đường thì người vận chuyển phải có trách nhiệm thu dọn ngay và có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông, gây ô nhiễm môi trường.

d) Việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm thực hiện theo quy định tại Điều 51 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 và Chương III Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

5. Hoạt động vận tải nội bộ (bao gồm chở người nội bộ và chở hàng hóa nội bộ) bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 56 Luật Đường bộ năm 2024 và Mục 5 Chương II Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

6. Hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách và hàng hóa phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 và Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 5. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị**

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phương tiện của các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và tuyến cố định trong đô thị phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật theo lộ trình như sau:

a) Đến hết năm 2030, có tối thiểu 10% phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

b) Giai đoạn 2031-2050, mỗi năm tăng thêm ít nhất 2% phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động

trên tuyến.

c) Sau năm 2050, có tối thiểu 50% phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

2. Trường hợp phương tiện không có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật thì nhân viên phục vụ trên xe, lái xe có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật lên xuống xe, sắp xếp hành lý, hàng hoá mang theo. Chỗ dành riêng cho người khuyết tật phải niêm yết rõ thông tin chỗ ưu tiên dành cho người khuyết tật và niêm yết trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ, hành khách trợ giúp người khuyết tật khi tham gia giao thông trên xe.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 06 năm 2025.

2. Trên cơ sở Quyết định này, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc thực tiễn có phát sinh vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như khoản 4 Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Gia Lai;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, CNXD, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

**Nguyễn Hữu Quế**